

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 02/01/2013

**BẢNG GHI ĐIỂM**

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TOÁN CAO CẤP

MTH 2100

Lớp: N18DLK

Tín chỉ: 3

Học kì: 1

Lần thi: 1

| TT  | MÃ SỐ SV   | HỌ VÀ TÊN SINH             | LỚP     | Điểm thành phần |                       |     |   | ĐTB kiểm tra định kì | F   | ĐIỂM TỔNG KẾT |               | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------------|---------|-----------------|-----------------------|-----|---|----------------------|-----|---------------|---------------|---------|
|     |            |                            |         | A               | Điểm kiểm tra định kỳ |     |   |                      |     | SỐ            | CHỮ           |         |
|     |            |                            |         | 10%             |                       |     |   | 30%                  | 60% | 100%          |               |         |
| (1) | (2)        | (3)                        |         |                 | 1                     | 1   | 1 | (10)                 |     |               |               |         |
| 1   | 1813719019 | Nguyễn Cao Cấp             | N18DLK1 | 10              | 5                     | 5   | 7 | 5.7                  | 3.0 | 0.0           | Không         |         |
| 2   | 1813719056 | Dụng Anh Đức               | N18DLK1 | 9               | 6                     | 5   | 5 | 5.3                  | 5.0 | 5.5           | Năm phẩy Năm  |         |
| 3   | 1812719043 | Hoàng Mộng Duyên           | N18DLK1 | 10              | 10                    | 9   | 6 | 8.3                  | 6.0 | 7.1           | Bảy phẩy Một  |         |
| 4   | 1812719059 | Nguyễn Thị Hương Giang     | N18DLK1 | 10              | 9                     | 6   | 5 | 6.7                  | 5.5 | 6.3           | Sáu phẩy Ba   |         |
| 5   | 1812719065 | Phan Thị Thu Hà            | N18DLK1 | 9               | 8                     | 5   | 5 | 6.0                  | 4.0 | 0.0           | Không         |         |
| 6   | 1813719061 | Đinh Ngọc Hà               | N18DLK1 | 9               | 6                     | 5   | 5 | 5.3                  | 4.0 | 0.0           | Không         |         |
| 7   | 1812719076 | Nguyễn Thị Kim Hiền        | N18DLK1 | 9               | 6                     | 5   | 5 | 5.3                  | 4.0 | 0.0           | Không         |         |
| 8   | 1812719074 | Nguyễn Trần Thu Hiền       | N18DLK1 | 10              | 8                     | 9   | 5 | 7.3                  | 5.0 | 6.2           | Sáu phẩy Hai  |         |
| 9   | 1813719088 | Phan Trọng Hoan            | N18DLK1 | 9               | 8                     | 9.5 | 6 | 7.8                  | 5.0 | 6.2           | Sáu phẩy Hai  |         |
| 10  | 1813719096 | Bùi Quang Huy              | N18DLK1 | 6               | 6                     | 5   | 5 | 5.3                  | 3.0 | 0.0           | Không         |         |
| 11  | 1813719107 | Hồ Nguyễn Anh Khoa         | N18DLK1 | 6               | 6                     | 6.5 | 5 | 5.8                  | 4.0 | 0.0           | Không         |         |
| 12  | 1813719127 | Nguyễn Thành Long          | N18DLK1 | 9               | 8                     | 5   | 5 | 6.0                  | 3.0 | 0.0           | Không         |         |
| 13  | 1812719134 | Nguyễn Hương Ly            | N18DLK1 | 6               | 5                     | 7   | 5 | 5.7                  | 3.0 | 0.0           | Không         |         |
| 14  | 1812719168 | Trần Thị Hiền Nhi          | N18DLK1 | 6               | 6                     | 5   | 5 | 5.3                  | 5.0 | 5.2           | Năm phẩy Hai  |         |
| 15  | 1813719174 | Trương Minh Nhật           | N18DLK1 | 10              | 9                     | 7.5 | 7 | 7.8                  | ĐC  | 0.0           | Không         |         |
| 16  | 1813719188 | Trần Đăng Phúc             | N18DLK1 | 10              | 9                     | 8   | 6 | 7.7                  | 6.0 | 6.9           | Sáu phẩy Chín |         |
| 17  | 1813719190 | Dương Tấn Phụng            | N18DLK1 | 10              | 9                     | 10  | 6 | 8.3                  | 5.0 | 6.5           | Sáu phẩy Năm  |         |
| 18  | 1813719192 | Nguyễn Phước               | N18DLK1 | 5               | 5                     | 5   | 5 | 5.0                  | 5.5 | 5.3           | Năm phẩy Ba   |         |
| 19  | 1812719195 | Nguyễn Thị Thanh Phương    | N18DLK1 | 6               | 5                     | 5   | 5 | 5.0                  | 5.0 | 5.1           | Năm phẩy Một  |         |
| 20  | 1813719208 | Phùng Ngọc Quỳnh           | N18DLK1 | 7               | 5                     | 5   | 5 | 5.0                  | 5.0 | 5.2           | Năm phẩy Hai  |         |
| 21  | 1812719211 | Lê Thị Như Quỳnh           | N18DLK1 | 9               | 5                     | 8   | 5 | 6.0                  | 5.0 | 5.7           | Năm phẩy Bảy  |         |
| 22  | 1812719222 | Võ Huyền Tố Tâm            | N18DLK1 | 9               | 9                     | 7   | 6 | 7.3                  | V   | 0.0           | Không         |         |
| 23  | 1812719234 | Trần Việt Thảo             | N18DLK1 | 6               | 5                     | 8   | 4 | 5.7                  | 5.0 | 5.3           | Năm phẩy Ba   |         |
| 24  | 1812719231 | Nguyễn Thị Thanh Thảo      | N18DLK1 | 8               | 7                     | 8   | 5 | 6.7                  | 3.0 | 0.0           | Không         |         |
| 25  | 1812719237 | Nguyễn Thị Thanh Thế       | N18DLK1 | 7               | 7                     | 5   | 5 | 5.7                  | 2.0 | 0.0           | Không         |         |
| 26  | 1812719245 | Đặng Thị Hoài Thu          | N18DLK1 | 9               | 8                     | 5   | 5 | 6.0                  | 3.0 | 0.0           | Không         |         |
| 27  | 1812719258 | Nguyễn Phước Tôn Nữ Thương | N18DLK1 | 10              | 8                     | 6   | 5 | 6.3                  | 3.0 | 0.0           | Không         |         |
| 28  | 1813719261 | Đặng Vũ Tiến               | N18DLK1 | 6               | 5                     | 7   | 5 | 5.7                  | 3.0 | 0.0           | Không         |         |
| 29  | 1813719263 | Trần Tín                   | N18DLK1 | 10              | 10                    | 10  | 8 | 9.3                  | 6.0 | 7.4           | Bảy phẩy Bốn  |         |
| 30  | 1813719267 | Tiêu Phi Toàn              | N18DLK1 | 8               | 6                     | 5   | 5 | 5.3                  | 5.0 | 5.4           | Năm phẩy Bốn  |         |
| 31  | 1812719272 | Huỳnh Huyền Trâm           | N18DLK1 | 8               | 6                     | 5   | 5 | 5.3                  | 5.0 | 5.4           | Năm phẩy Bốn  |         |
| 32  | 1812719268 | Nguyễn Thị Thùy Trang      | N18DLK1 | 8               | 6                     | 7   | 5 | 6.0                  | 5.0 | 5.6           | Năm phẩy Sáu  |         |
| 33  | 1812719302 | Cao Thanh Vân              | N18DLK1 | 8               | 6                     | 5   | 5 | 5.3                  | 5.0 | 5.4           | Năm phẩy Bốn  |         |
| 34  | 1812719303 | Trần Thị Kiều Vân          | N18DLK1 | 10              | 6                     | 5   | 5 | 5.3                  | 5.0 | 5.6           | Năm phẩy Sáu  |         |
| 35  | 1812719311 | Trương Thị Von             | N18DLK1 | 9               | 6                     | 6   | 5 | 5.7                  | 5.0 | 5.6           | Năm phẩy Sáu  |         |
| 36  | 1813719314 | Phạm Hoàng Vũ              | N18DLK1 | 6               | 5                     | 5   | 5 | 5.0                  | 5.0 | 5.1           | Năm phẩy Một  |         |
| 37  | 1812719323 | Trương Nguyễn Như Ý        | N18DLK1 | 10              | 8                     | 6   | 6 | 6.7                  | 6.0 | 6.6           | Sáu phẩy Sáu  |         |
| 38  | 1812719017 | Huỳnh Thị Bình             | N18DLK2 | 6               | 5                     | 5   | 5 | 5.0                  | 3.0 | 0.0           | Không         |         |
| 39  | 1813719018 | Huỳnh Kim Cảnh             | N18DLK2 | 6               | 5                     | 8   | 5 | 6.0                  | 2.0 | 0.0           | Không         |         |

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 02/01/2013

**BẢNG GHI ĐIỂM**

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TOÁN CAO CẤP

MTH 2100

Lớp: N18DLK

Tín chỉ: 3

Học kì: 1

Lần thi: 1

| TT | MÃ SỐ SV   | HỌ VÀ TÊN SINH          |         | LỚP | Điểm thành phần |                       |   |  |     | ĐTB kiểm tra định kì | F   | ĐIỂM TỔNG KẾT |     | Ghi chú |
|----|------------|-------------------------|---------|-----|-----------------|-----------------------|---|--|-----|----------------------|-----|---------------|-----|---------|
|    |            |                         |         |     | A               | Điểm kiểm tra định kỳ |   |  |     |                      |     | SỐ            | CHỮ |         |
| 40 | 1813719049 | Trần Quang Đạt          | N18DLK2 | 6   | 5               | 6.5                   | 5 |  | 5.5 | 5.0                  | 5.3 | Năm phẩy Ba   |     |         |
| 41 | 1812719028 | Bùi Lê Thúy Diễm        | N18DLK2 | 9   | 6               | 6.5                   | 5 |  | 5.8 | 5.0                  | 5.6 | Năm phẩy Sáu  |     |         |
| 42 | 1812719035 | Nguyễn Thị Phương Dung  | N18DLK2 | 6   | 5               | 7.5                   | 5 |  | 5.8 | 5.0                  | 5.3 | Năm phẩy Ba   |     |         |
| 43 | 1812719034 | Dương Thị Thùy Dung     | N18DLK2 | 10  | 8               | 5                     | 5 |  | 6.0 | 7.0                  | 7.0 | Bảy           |     |         |
| 44 | 1813719045 | Hoàng Hải Dương         | N18DLK2 | 10  | 6               | 7                     | 5 |  | 6.0 | 7.0                  | 7.0 | Bảy           |     |         |
| 45 | 1812719047 | Lê Trùng Dương          | N18DLK2 | 7   | 6               | 8.5                   | 5 |  | 6.5 | 6.0                  | 6.3 | Sáu phẩy Ba   |     |         |
| 46 | 1813719046 | Phan Văn Dương          | N18DLK2 | 7   | 5               | 6                     | 5 |  | 5.3 | 6.0                  | 5.9 | Năm phẩy Chín |     |         |
| 47 | 1812719087 | Nguyễn Thị Hạ Hoài      | N18DLK2 | 10  | 6               | 5                     | 5 |  | 5.3 | 6.0                  | 6.2 | Sáu phẩy Hai  |     |         |
| 48 | 1812719093 | Nguyễn Thị Kim Hồng     | N18DLK2 | 8   | 8               | 7.5                   | 5 |  | 6.8 | 6.0                  | 6.4 | Sáu phẩy Bốn  |     |         |
| 49 | 1812719135 | Đoàn Thị Như Mai        | N18DLK2 | 10  | 6               | 5                     | 5 |  | 5.3 | 7.0                  | 6.8 | Sáu phẩy Tám  |     |         |
| 50 | 1812719138 | Võ Thùy Bảo My          | N18DLK2 | 5   | 5               | 7                     | 5 |  | 5.7 | 8.0                  | 7.0 | Bảy           |     |         |
| 51 | 1812719142 | Lê Thị Trà My           | N18DLK2 | 8   | 7               | 5                     | 5 |  | 5.7 | 7.5                  | 7.0 | Bảy           |     |         |
| 52 | 1812719145 | Nguyễn Vĩnh Nam         | N18DLK2 | 5   | 5               | 5.5                   | 5 |  | 5.2 | V                    | 0.0 | Không         |     |         |
| 53 | 1812719148 | Nguyễn Thị Yến Ngọc     | N18DLK2 | 8   | 5               | 5                     | 5 |  | 5.0 | 10.0                 | 8.3 | Tám phẩy Ba   |     |         |
| 54 | 1812719150 | Phạm Thị Bích Ngọc      | N18DLK2 | 8   | 8               | 6                     | 5 |  | 6.3 | 10.0                 | 8.7 | Tám phẩy Bảy  |     |         |
| 55 | 1813719171 | Nguyễn Thế Nhơn         | N18DLK2 | 10  | 6               | 5                     | 5 |  | 5.3 | 10.0                 | 8.6 | Tám phẩy Sáu  |     |         |
| 56 | 1812719206 | Phan Thị Bảo Quyên      | N18DLK2 | 7   | 5               | 7                     | 5 |  | 5.7 | 10.0                 | 8.4 | Tám phẩy Bốn  |     |         |
| 57 | 1812719210 | Trần Thị Quỳnh          | N18DLK2 | 10  | 6               | 7                     | 5 |  | 6.0 | 10.0                 | 8.8 | Tám phẩy Tám  |     |         |
| 58 | 1812719219 | Trần Thị Tâm            | N18DLK2 | 10  | 5               | 5                     | 5 |  | 5.0 | 10.0                 | 8.5 | Tám phẩy Năm  |     |         |
| 59 | 1812719228 | Phùng Thị Thiên Thanh   | N18DLK2 | 10  | 7               | 10                    | 5 |  | 7.3 | 10.0                 | 9.2 | Chín phẩy Hai |     |         |
| 60 | 1813719239 | Lê Xuân Thiện           | N18DLK2 | 10  | 5               | 5                     | 5 |  | 5.0 | 8.0                  | 7.3 | Bảy phẩy Ba   |     |         |
| 61 | 1812719257 | Nguyễn Diệu Anh Thư     | N18DLK2 | 6   | 5               | 9                     | 3 |  | 5.7 | 10.0                 | 8.3 | Tám phẩy Ba   |     |         |
| 62 | 1812719249 | Nguyễn Thị Thu Thùy     | N18DLK2 | 7   | 5               | 5                     | 5 |  | 5.0 | 8.5                  | 7.3 | Bảy phẩy Ba   |     |         |
| 63 | 1812719271 | Tôn Nguyễn Huyền Trâm   | N18DLK2 | 10  | 10              | 8                     | 8 |  | 8.7 | 10.0                 | 9.6 | Chín phẩy Sáu |     |         |
| 64 | 1812719269 | Nguyễn Võ Hoàng Trang   | N18DLK2 | 7   | 5               | 9                     | 5 |  | 6.3 | 8.5                  | 7.7 | Bảy phẩy Bảy  |     |         |
| 65 | 1813719287 | Phạm Ngọc Trung         | N18DLK2 | 9   | 6               | 7.5                   | 6 |  | 6.5 | 9.0                  | 8.3 | Tám phẩy Ba   |     |         |
| 66 | 1812719297 | Lâm Thảo Uyên           | N18DLK2 | 7   | 6               | 6                     | 5 |  | 5.7 | 8.5                  | 7.5 | Bảy phẩy Năm  |     |         |
| 67 | 1813719318 | Trần Viết Vương         | N18DLK2 | 6   | 5               | 6                     | 5 |  | 5.3 | 9.0                  | 7.6 | Bảy phẩy Sáu  |     |         |
| 68 | 1812719020 | Nguyễn Thị Minh Châu    | N18DLK3 | 7   | 6               | 9.5                   | 5 |  | 6.8 | 7.0                  | 6.9 | Sáu phẩy Chín |     |         |
| 69 | 1812719031 | Nguyễn Thị Thanh Dung   | N18DLK3 | 6   | 6               | 5                     | 5 |  | 5.3 | 6.5                  | 6.1 | Sáu phẩy Một  |     |         |
| 70 | 1812719062 | Trần Thị Thu Hà         | N18DLK3 | 7   | 5               | 5                     | 5 |  | 5.0 | 6.5                  | 6.1 | Sáu phẩy Một  |     |         |
| 71 | 1812719073 | Lê Thị Diệu Hiền        | N18DLK3 | 7   | 5               | 5                     | 5 |  | 5.0 | 7.0                  | 6.4 | Sáu phẩy Bốn  |     |         |
| 72 | 1813719090 | Đoàn Văn Hoàng          | N18DLK3 | 5   | 5               | 5                     | 5 |  | 5.0 | 7.0                  | 6.2 | Sáu phẩy Hai  |     |         |
| 73 | 1812719111 | Lê Nguyên Trà Khúc      | N18DLK3 | 8   | 6               | 5                     | 5 |  | 5.3 | 5.0                  | 5.4 | Năm phẩy Bốn  |     |         |
| 74 | 1812719113 | Trần Thị La             | N18DLK3 | 5   | 5               | 5                     | 5 |  | 5.0 | 7.0                  | 6.2 | Sáu phẩy Hai  |     |         |
| 75 | 1812719115 | Võ Thị Tương Lai        | N18DLK3 | 5   | 5               | 5                     | 5 |  | 5.0 | V                    | 0.0 | Không         |     |         |
| 76 | 1812719124 | Nguyễn Thảo Linh        | N18DLK3 | 6   | 5               | 5                     | 5 |  | 5.0 | 7.0                  | 6.3 | Sáu phẩy Ba   |     |         |
| 77 | 1812719125 | Mai Nguyễn Quỳnh Loan   | N18DLK3 | 6   | 5               | 5                     | 5 |  | 5.0 | 6.0                  | 5.7 | Năm phẩy Bảy  |     |         |
| 78 | 1812719139 | Trần Thảo My            | N18DLK3 | 9   | 8               | 7                     | 6 |  | 7.0 | 8.0                  | 7.8 | Bảy phẩy Tám  |     |         |
| 79 | 1812719149 | Nguyễn Xuân Phương Ngọc | N18DLK3 | 5   | 5               | 5                     | 5 |  | 5.0 | 8.0                  | 6.8 | Sáu phẩy Tám  |     |         |
| 80 | 1812719152 | Lê Kim Hạnh Nguyên      | N18DLK3 | 7   | 8               | 8                     | 5 |  | 7.0 | 8.0                  | 7.6 | Bảy phẩy Sáu  |     |         |

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**TÊN MÔN:**

**MÃ MÔN:**

Ngày thi: 02/01/2013

**BẢNG GHI ĐIỂM**

**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN**

**TOÁN CAO CẤP**

**MTH 2100**

**Lớp:** N18DLK

**Tín chỉ:** 3

**Học kì:** 1

**Lần thi:** 1

| TT  | MÃ SỐ SV   | HỌ VÀ TÊN SINH     |        | LỚP     | Điểm thành phần |                       |     |    |  | ĐTB kiểm tra định kì | F   | ĐIỂM TỔNG KẾT |               | Ghi chú |
|-----|------------|--------------------|--------|---------|-----------------|-----------------------|-----|----|--|----------------------|-----|---------------|---------------|---------|
|     |            |                    |        |         | A               | Điểm kiểm tra định kỳ |     |    |  |                      |     | SỐ            | CHỮ           |         |
| 81  | 1812719166 | Đoàn Trần Ý        | Nhi    | N18DLK3 | 9               | 10                    | 10  | 7  |  | 9.0                  | 8.0 | 8.4           | Tám phẩy Bốn  |         |
| 82  | 1812719180 | Nguyễn Thị Mai     | Phi    | N18DLK3 | 7               | 5                     | 6.5 | 5  |  | 5.5                  | 8.0 | 7.2           | Bảy phẩy Hai  |         |
| 83  | 1813719185 | Phạm Đắc Hoàng     | Phúc   | N18DLK3 | 6               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 6.0 | 5.7           | Năm phẩy Bảy  |         |
| 84  | 1813719191 | Nguyễn Chánh       | Phước  | N18DLK3 | 9               | 6                     | 7   | 5  |  | 6.0                  | 8.0 | 7.5           | Bảy phẩy Năm  |         |
| 85  | 1812719196 | Phan Hồng          | Phương | N18DLK3 | 8               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 6.0 | 5.9           | Năm phẩy Chín |         |
| 86  | 1812719205 | Nguyễn Thị Hoàng   | Quyên  | N18DLK3 | 5               | 5                     | 8.5 | 5  |  | 6.2                  | V   | 0.0           | Không         |         |
| 87  | 1813219575 | Phạm Ngọc          | Sơn    | N18DLK3 | 8               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 9.0 | 7.7           | Bảy phẩy Bảy  |         |
| 88  | 1813719218 | Võ Chí             | Tâm    | N18DLK3 | 7               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 9.0 | 7.6           | Bảy phẩy Sáu  |         |
| 89  | 1813719229 | Ngô Trương Duy     | Thành  | N18DLK3 | 7               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 7.0 | 6.4           | Sáu phẩy Bốn  |         |
| 90  | 1812719232 | Lê Huỳnh Hiếu      | Thảo   | N18DLK3 | 9               | 9                     | 8   | 8  |  | 8.3                  | 9.5 | 9.1           | Chín phẩy Một |         |
| 91  | 1812719252 | Võ Thị Ánh         | Thủy   | N18DLK3 | 6               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 9.0 | 7.5           | Bảy phẩy Năm  |         |
| 92  | 1813719266 | Mai Đình           | Toàn   | N18DLK3 | 5               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 7.0 | 6.2           | Sáu phẩy Hai  |         |
| 93  | 1812719275 | Phạm Thị           | Trâm   | N18DLK3 | 7               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.2           | Năm phẩy Hai  |         |
| 94  | 1812719273 | Nguyễn Thị Bích    | Trâm   | N18DLK3 | 7               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 7.0 | 6.4           | Sáu phẩy Bốn  |         |
| 95  | 1812719319 | Phan Thúy          | Vy     | N18DLK3 | 10              | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 7.0 | 6.7           | Sáu phẩy Bảy  |         |
| 96  | 1812719324 | Nguyễn Thị Kim     | Yến    | N18DLK3 | 6               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 9.0 | 7.5           | Bảy phẩy Năm  |         |
| 97  | 1812719008 | Nguyễn Thị Tú      | Anh    | N18DLK4 | 7               | 8                     | 5   | 5  |  | 6.0                  | 5.0 | 5.5           | Năm phẩy Năm  |         |
| 98  | 1812719013 | Nguyễn Thị Ngọc    | Ánh    | N18DLK4 | 9               | 8                     | 5   | 6  |  | 6.3                  | 5.0 | 5.8           | Năm phẩy Tám  |         |
| 99  | 1813719050 | Phạm Văn           | Đạt    | N18DLK4 | 9               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 3.0 | 0.0           | Không         |         |
| 100 | 1812719032 | Nguyễn Thị Hoàng   | Dung   | N18DLK4 | 7               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.2           | Năm phẩy Hai  |         |
| 101 | 1812719044 | Lưu Thị Mỹ         | Duyên  | N18DLK4 | 7               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.2           | Năm phẩy Hai  |         |
| 102 | 1812719071 | Bùi Thị            | Hiên   | N18DLK4 | 7               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 6.0 | 5.8           | Năm phẩy Tám  |         |
| 103 | 1813719079 | Nguyễn Trung       | Hiếu   | N18DLK4 | 7               | 6                     | 6   | 8  |  | 6.7                  | 7.5 | 7.2           | Bảy phẩy Hai  |         |
| 104 | 1813719081 | Nguyễn Thanh Trung | Hiếu   | N18DLK4 | 5               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.0           | Năm           |         |
| 105 | 1812719084 | Đào Thị Kim        | Hoa    | N18DLK4 | 7               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 2.0 | 0.0           | Không         |         |
| 106 | 1812719092 | Trương Thị Khánh   | Hồng   | N18DLK4 | 5               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 3.0 | 0.0           | Không         |         |
| 107 | 1813719106 | Đặng Vũ Anh        | Khoa   | N18DLK4 | 7               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 3.0 | 0.0           | Không         |         |
| 108 | 1813719112 | Đào Ngọc           | Khuê   | N18DLK4 | 10              | 10                    | 8   | 10 |  | 9.3                  | 8.0 | 8.6           | Tám phẩy Sáu  |         |
| 109 | 1812719114 | Lưu Mỹ             | Lai    | N18DLK4 | 6               | 5                     | 5   | 6  |  | 5.3                  | 6.0 | 5.8           | Năm phẩy Tám  |         |
| 110 | 1812719118 | Nguyễn Thị Ái      | Lâm    | N18DLK4 | 8               | 7                     | 5   | 7  |  | 6.3                  | 6.0 | 6.3           | Sáu phẩy Ba   |         |
| 111 | 1812719121 | Huỳnh Thị Mỹ       | Linh   | N18DLK4 | 7               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.2           | Năm phẩy Hai  |         |
| 112 | 1812719123 | Đậu Thị Thùy       | Linh   | N18DLK4 | 5               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.0           | Năm           |         |
| 113 | 1813719136 | Tôn Thất           | Mãi    | N18DLK4 | 5               | 5                     | 5   | 6  |  | 5.3                  | 2.0 | 0.0           | Không         |         |
| 114 | 1812719141 | Trần Hải           | My     | N18DLK4 | 5               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | V   | 0.0           | Không         |         |
| 115 | 1812719146 | Nguyễn Thị Thúy    | Nga    | N18DLK4 | 8               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.3           | Năm phẩy Ba   |         |
| 116 | 1812719151 | Nguyễn Thị Tô      | Nguyên | N18DLK4 | 7               | 5                     | 5   | 7  |  | 5.7                  | 5.0 | 5.4           | Năm phẩy Bốn  |         |
| 117 | 1812719157 | Lê Võ Mỹ Thanh     | Nhàn   | N18DLK4 | 7               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.2           | Năm phẩy Hai  |         |
| 118 | 1813719158 | Nguyễn Trọng       | Nhân   | N18DLK4 | 5               | 5                     | 5   | 7  |  | 5.7                  | 3.0 | 0.0           | Không         |         |
| 119 | 1812719170 | Trần Phương Quỳnh  | Nhi    | N18DLK4 | 8               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.3           | Năm phẩy Ba   |         |
| 120 | 1812719169 | Trương Thị Thúy    | Nhi    | N18DLK4 | 7               | 5                     | 5   | 5  |  | 5.0                  | 7.0 | 6.4           | Sáu phẩy Bốn  |         |
| 121 | 1812719183 | Nguyễn Ngọc Nguyên | Phú    | N18DLK4 | 8               | 6                     | 6   | 6  |  | 6.0                  | 5.0 | 5.6           | Năm phẩy Sáu  |         |

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 02/01/2013

**BẢNG GHI ĐIỂM**

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TOÁN CAO CẤP

MTH 2100

Lớp: N18DLK

Tín chỉ: 3

Học kì: 1

Lần thi: 1

| TT  | MÃ SỐ SV   | HỌ VÀ TÊN SINH    |        | LỚP     | Điểm thành phần |                       |   |    |  | ĐTB kiểm tra định kì | F   | ĐIỂM TỔNG KẾT |               | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------|--------|---------|-----------------|-----------------------|---|----|--|----------------------|-----|---------------|---------------|---------|
|     |            |                   |        |         | A               | Điểm kiểm tra định kỳ |   |    |  |                      |     | SỐ            | CHỮ           |         |
| 122 | 1812719198 | Huỳnh Thị Bích    | Phương | N18DLK4 | 6               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 6.0 | 5.7           | Năm phẩy Bảy  |         |
| 123 | 1812719199 | Trương Thị Ngọc   | Phượng | N18DLK4 | 7               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 5.5 | 5.5           | Năm phẩy Năm  |         |
| 124 | 1812719203 | Nguyễn Thị Thu    | Quý    | N18DLK4 | 6               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.1           | Năm phẩy Một  |         |
| 125 | 1812719209 | Phạm Đoàn Khánh   | Quỳnh  | N18DLK4 | 7               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.2           | Năm phẩy Hai  |         |
| 126 | 1813719216 | Nguyễn Thanh      | Sơn    | N18DLK4 | 7               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.2           | Năm phẩy Hai  |         |
| 127 | 1812719227 | Nguyễn Lan        | Thanh  | N18DLK4 | 5               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.0           | Năm           |         |
| 128 | 1812719233 | Trần Dương Việt   | Thảo   | N18DLK4 | 7               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.2           | Năm phẩy Hai  |         |
| 129 | 1812719256 | Phạm Thị Minh     | Thúy   | N18DLK4 | 7               | 5                     | 5 | 7  |  | 5.7                  | 5.0 | 5.4           | Năm phẩy Bốn  |         |
| 130 | 1812719259 | Trần Thủy         | Tiên   | N18DLK4 | 7               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | V   | 0.0           | Không         |         |
| 131 | 1812719260 | Võ Thị Hà         | Tiên   | N18DLK4 | 5               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 3.0 | 0.0           | Không         |         |
| 132 | 1813719262 | Nguyễn Đăng Trung | Tín    | N18DLK4 | 5               | 5                     | 5 | 6  |  | 5.3                  | 5.0 | 5.1           | Năm phẩy Một  |         |
| 133 | 1812719277 | Thân Trọng Nam    | Trần   | N18DLK4 | 5               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.0           | Năm           |         |
| 134 | 1813719293 | Phan Sỹ           | Tùng   | N18DLK4 | 5               | 5                     | 5 | 7  |  | 5.7                  | 5.0 | 5.2           | Năm phẩy Hai  |         |
| 135 | 1813719313 | Dương Lê Tuấn     | Vũ     | N18DLK4 | 7               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 6.0 | 5.8           | Năm phẩy Tám  |         |
| 136 | 1813719003 | Lê Thành          | An     | N18DLK5 | 9               | 10                    | 7 | 10 |  | 9.0                  | 4.0 | 0.0           | Không         |         |
| 137 | 1813719001 | Bùi Quý           | An     | N18DLK5 | 6               | 5                     | 6 | 10 |  | 7.0                  | 5.0 | 5.7           | Năm phẩy Bảy  |         |
| 138 | 1812719006 | Ngô Thị Quỳnh     | Anh    | N18DLK5 | 9               | 5                     | 7 | 9  |  | 7.0                  | 5.0 | 6.0           | Sáu           |         |
| 139 | 1813719011 | Đào Duy           | Anh    | N18DLK5 | 4               | 5                     | 4 | 7  |  | 5.3                  | 4.0 | 0.0           | Không         |         |
| 140 | 1813719021 | Nguyễn Hữu        | Châu   | N18DLK5 | 4               | 5                     | 5 | 8  |  | 6.0                  | 5.0 | 5.2           | Năm phẩy Hai  |         |
| 141 | 1812719023 | Võ Quế            | Chi    | N18DLK5 | 7               | 4                     | 4 | 7  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.2           | Năm phẩy Hai  |         |
| 142 | 1813719051 | Lê Đình           | Đầu    | N18DLK5 | 9               | 10                    | 5 | 8  |  | 7.7                  | 6.0 | 6.8           | Sáu phẩy Tám  |         |
| 143 | 1812719063 | Huỳnh Thị Kim     | Hà     | N18DLK5 | 5               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.0           | Năm           |         |
| 144 | 1813719070 | Đinh Văn          | Hậu    | N18DLK5 | 7               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.2           | Năm phẩy Hai  |         |
| 145 | 1813719075 | Trương Thanh      | Hiền   | N18DLK5 | 5               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 2.0 | 0.0           | Không         |         |
| 146 | 1813719626 | Nguyễn Đình       | Hiệp   | N18DLK5 | 5               | 5                     | 5 | 9  |  | 6.3                  | 5.0 | 5.4           | Năm phẩy Bốn  |         |
| 147 | 1813719078 | Trương Hoàng      | Hiếu   | N18DLK5 | 4               | 5                     | 5 | 7  |  | 5.7                  | 5.0 | 5.1           | Năm phẩy Một  |         |
| 148 | 1813719089 | Trần Thiên        | Hoàng  | N18DLK5 | 4               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 1.0 | 0.0           | Không         |         |
| 149 | 1812719100 | Trần Thị Minh     | Hương  | N18DLK5 | 4               | 3                     | 3 | 10 |  | 5.3                  | 2.0 | 0.0           | Không         |         |
| 150 | 1812719117 | Nguyễn Thị        | Lan    | N18DLK5 | 7               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 5.0 | 5.2           | Năm phẩy Hai  |         |
| 151 | 1812719120 | Trần Huỳnh Kim    | Linh   | N18DLK5 | 5               | 5                     | 5 | 7  |  | 5.7                  | 2.0 | 0.0           | Không         |         |
| 152 | 1813719128 | Nguyễn Hoàng      | Long   | N18DLK5 | 5               | 5                     | 5 | 6  |  | 5.3                  | 1.0 | 0.0           | Không         |         |
| 153 | 1813719143 | Ngô Tuấn          | Mỹ     | N18DLK5 | 5               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | V   | 0.0           | Không         |         |
| 154 | 1812719156 | Hoàng Thị         | Nguyệt | N18DLK5 | 9               | 5                     | 6 | 5  |  | 5.3                  | 3.0 | 0.0           | Không         |         |
| 155 | 1813719189 | Trần Phi          | Phụng  | N18DLK5 | 7               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 0.0 | 0.0           | Không         |         |
| 156 | 1812719244 | Đỗ Nguyễn Hoài    | Thu    | N18DLK5 | 5               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 0.0 | 0.0           | Không         |         |
| 157 | 1812719255 | Nguyễn Thị Thu    | Thủy   | N18DLK5 | 9               | 9                     | 9 | 7  |  | 8.3                  | 7.5 | 7.9           | Bảy phẩy Chín |         |
| 158 | 1813119457 | Nguyễn Văn        | Tịnh   | N18DLK5 | 6               | 8                     | 5 | 8  |  | 7.0                  | 5.0 | 5.7           | Năm phẩy Bảy  |         |
| 159 | 1813719280 | Lý Thế            | Triều  | N18DLK5 | 8               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 3.0 | 0.0           | Không         |         |
| 160 | 1813719285 | Tạ Thanh          | Trung  | N18DLK5 | 7               | 7                     | 6 | 5  |  | 6.0                  | 2.0 | 0.0           | Không         |         |
| 161 | 1813719290 | Nguyễn Ngọc       | Tú     | N18DLK5 | 7               | 5                     | 5 | 7  |  | 5.7                  | 5.0 | 5.4           | Năm phẩy Bốn  |         |
| 162 | 1813719292 | Phan Thành        | Tuấn   | N18DLK5 | 5               | 5                     | 5 | 5  |  | 5.0                  | 3.0 | 0.0           | Không         |         |

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 02/01/2013

**BẢNG GHI ĐIỂM**

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TOÁN CAO CẤP

MTH 2100

Lớp: N18DLK

Tín chỉ: 3

Học kì: 1

Lần thi: 1

| TT  | MÃ SỐ SV   | HỌ VÀ TÊN SINH    |        | LỚP     | Điểm thành phần |                       |     |     |  | ĐTB kiểm tra định kì | F   | ĐIỂM TỔNG KẾT |              | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------|--------|---------|-----------------|-----------------------|-----|-----|--|----------------------|-----|---------------|--------------|---------|
|     |            |                   |        |         | A               | Điểm kiểm tra định kỳ |     |     |  |                      |     | SỐ            | CHỮ          |         |
| 163 | 1813719310 | Nguyễn Hữu        | Vinh   | N18DLK5 | 7               | 5                     | 5   | 7   |  | 5.7                  | 5.0 | 5.4           | Năm phẩy Bốn |         |
| 164 | 1813719315 | Trần Vương        | Vũ     | N18DLK5 | 5               | 5                     | 5   | 5   |  | 5.0                  | V   | 0.0           | Không        |         |
| 165 | 1812719320 | Nguyễn Thị Kiều   | Vy     | N18DLK5 | 9               | 7                     | 6   | 6   |  | 6.3                  | 5.0 | 5.8           | Năm phẩy Tám |         |
| 166 | 1812719321 | Trần Thị Hiền     | Vy     | N18DLK5 | 9               | 5                     | 5   | 10  |  | 6.7                  | 0.0 | 0.0           | Không        |         |
| 167 | 1812719325 | Huỳnh Thị Phương  | Yến    | N18DLK5 | 5               | 5                     | 5   | 6   |  | 5.3                  | V   | 0.0           | Không        |         |
| 168 | 1713114746 | Ngô Xuân          | Hậu    | N17TPM  | 7               | 6                     | 5   | 7   |  | 6.0                  | 5.0 | 5.5           | Năm phẩy Năm | HG+BSĐ  |
| 169 | 1713114749 | Nguyễn Văn Vu     | Luyết  | N17TPM  | 7               | 6                     | 5   | 8.5 |  | 6.5                  | 5.0 | 5.7           | Năm phẩy Bảy | HG+BSĐ  |
| 170 | 1812719005 | Lê Tú             | Anh    | N18DLK1 | 2               | 2                     | 4   | 7   |  | 4.3                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 171 | 1813719016 | Trần Lê Quốc      | Bảo    | N18DLK1 | 5               | 4                     | 7   | 3   |  | 4.7                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 172 | 1812719033 | Nguyễn Thị Thùy   | Dung   | N18DLK1 | 0               | 0                     | 0   | 0   |  | 0.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 173 | 1812719067 | Nguyễn Đặng Mỹ    | Hạnh   | N18DLK1 | 0               | 0                     | 0   | 0   |  | 0.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 174 | 1813719080 | Nguyễn Quốc       | Hiếu   | N18DLK1 | 5               | 5                     | 3   | 3   |  | 3.7                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 175 | 1812719103 | Trương Thị Như    | Kha    | N18DLK1 | 0               | 0                     | 0   | 0   |  | 0.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 176 | 1812719204 | Nguyễn Thị Như    | Quyên  | N18DLK1 | 0               | 0                     | 0   | 0   |  | 0.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 177 | 1813719214 | Huỳnh Thanh       | Ry     | N18DLK1 | 6               | 5                     | 3   | 0   |  | 2.7                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 178 | 1812719250 | Lê Thị Như        | Thùy   | N18DLK1 | 0               | 0                     | 0   | 0   |  | 0.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 179 | 1812719274 | Lê Thị            | Trâm   | N18DLK1 | 0               | 0                     | 0   | 0   |  | 0.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 180 | 1813719015 | Nguyễn Thiên      | Ân     | N18DLK2 | 0               | 0                     | 0   | 0   |  | 0.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 181 | 1812719007 | Cao Xuân Hoàng    | Anh    | N18DLK2 | 4               | 5                     | 0   | 5   |  | 3.3                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 182 | 1812719053 | Nguyễn Thị        | Đông   | N18DLK2 | 6               | 5                     | 4.5 | 0   |  | 3.2                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 183 | 1813719036 | Đỗ Yên            | Dũng   | N18DLK2 | 4               | 4                     | 6.5 | 3   |  | 4.5                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 184 | 1813719040 | Nguyễn Ngọc       | Duy    | N18DLK2 | 7               | 5                     | 0   | 4   |  | 3.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 185 | 1813719099 | Trần Đức          | Hung   | N18DLK2 | 6               | 4                     | 5   | 0   |  | 3.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 186 | 1813719105 | Nguyễn Phú        | Khánh  | N18DLK2 | 5               | 4                     | 0   | 5   |  | 3.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 187 | 1813719116 | Phùng Duy         | Lâm    | N18DLK2 | 5               | 5                     | 4   | 4   |  | 4.3                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 188 | 1813719132 | Tô Minh           | Lợi    | N18DLK2 | 5               | 4                     | 4   | 4   |  | 4.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 189 | 1812719167 | Trương Nguyễn Yến | Nhi    | N18DLK2 | 5               | 4                     | 4   | 4   |  | 4.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 190 | 1812719197 | Lê Ngọc Trâm      | Phương | N18DLK2 | 6               | 5                     | 4   | 5   |  | 4.7                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 191 | 1813719308 | Trần Viết         | Viễn   | N18DLK2 | 4               | 5                     | 5   | 4   |  | 4.7                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 192 | 1812719014 | Lê Thị Ngọc       | Ánh    | N18DLK3 | 4               | 4                     | 4   | 4   |  | 4.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 193 | 1812719012 | Hồ Thị Ngọc       | Ánh    | N18DLK3 | 0               | 0                     | 0   | 0   |  | 0.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 194 | 1812719086 | Nguyễn Thị Thương | Hoài   | N18DLK3 | 0               | 0                     | 0   | 0   |  | 0.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 195 | 1813719110 | Nguyễn Đức        | Khôi   | N18DLK3 | 6               | 5                     | 4   | 2   |  | 3.7                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 196 | 1813719131 | Trần Thanh        | Lợi    | N18DLK3 | 2               | 3                     | 5   | 4   |  | 4.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 197 | 1812719172 | Nguyễn Thị Huyền  | Nhung  | N18DLK3 | 6               | 5                     | 0   | 4   |  | 3.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 198 | 1812719177 | Lê Thị Kiều       | Oanh   | N18DLK3 | 0               | 0                     | 0   | 0   |  | 0.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 199 | 1812719184 | Thái Hồng         | Phúc   | N18DLK3 | 5               | 2                     | 5.5 | 0   |  | 2.5                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 200 | 1813719186 | Lê Hồng           | Phúc   | N18DLK3 | 4               | 2                     | 4   | 0   |  | 2.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 201 | 1813719202 | Lê Trung          | Quốc   | N18DLK3 | 2               | 3                     | 5   | 2   |  | 3.3                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 202 | 1813719226 | Nguyễn Hồng       | Thanh  | N18DLK3 | 0               | 0                     | 0   | 0   |  | 0.0                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |
| 203 | 1812719230 | Phạm Phương       | Thảo   | N18DLK3 | 6               | 4                     | 5   | 5   |  | 4.7                  |     | 0.0           | Không        | Cấm thi |

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**TÊN MÔN:**

**MÃ MÔN:**

Ngày thi: 02/01/2013

**BẢNG GHI ĐIỂM**

**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN**

**TÓÁN CAO CẤP**

**MTH 2100**

**Lớp:** N18DLK

**Tín chỉ:** 3

**Học kì:** 1

**Lần thi:** 1

| TT  | MÃ SỐ SV   | HỌ VÀ TÊN SINH   |        | LỚP     | Điểm thành phần |                       |   |   |  | ĐTB kiểm tra định kì | F | ĐIỂM TỔNG KẾT |       | Ghi chú |
|-----|------------|------------------|--------|---------|-----------------|-----------------------|---|---|--|----------------------|---|---------------|-------|---------|
|     |            |                  |        |         | A               | Điểm kiểm tra định kỳ |   |   |  |                      |   | SỐ            | CHỮ   |         |
| 204 | 1813719242 | Cao Phan Quốc    | Thọ    | N18DLK3 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 205 | 1812719253 | Bùi Thị Thanh    | Thủy   | N18DLK3 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 206 | 1813719288 | Nguyễn Nhật      | Trường | N18DLK3 | 5               | 4                     | 3 | 3 |  | 3.3                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 207 | 1813719289 | Đỗ Thanh         | Tú     | N18DLK3 | 7               | 5                     | 3 | 3 |  | 3.7                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 208 | 1813719295 | Trần Mai Phước   | Tùng   | N18DLK3 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 209 | 1813719307 | Huỳnh Văn        | Vĩ     | N18DLK3 | 5               | 4                     | 3 | 3 |  | 3.3                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 210 | 1813719309 | Cao Xuân         | Vinh   | N18DLK3 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 211 | 1813719312 | Võ Nguyên        | Vũ     | N18DLK3 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 212 | 1813719039 | Trần Hữu         | Duy    | N18DLK4 | 5               | 5                     | 0 | 5 |  | 3.3                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 213 | 1813719082 | Nguyễn Trọng     | Hiếu   | N18DLK4 | 5               | 5                     | 3 | 5 |  | 4.3                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 214 | 1813719098 | Nguyễn Lê        | Hưng   | N18DLK4 | 5               | 5                     | 0 | 5 |  | 3.3                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 215 | 1813719095 | Nguyễn Xuân      | Huy    | N18DLK4 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 216 | 1813719108 | Nguyễn Hữu Đăng  | Khoa   | N18DLK4 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 217 | 1812719122 | Nguyễn Phạm Hoài | Linh   | N18DLK4 | 8               | 5                     | 4 | 4 |  | 4.3                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 218 | 1812719126 | Phan Bạch Hồng   | Loan   | N18DLK4 | 7               | 5                     | 5 | 0 |  | 3.3                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 219 | 1812719140 | Dương Nhật       | My     | N18DLK4 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 220 | 1813719159 | Trương Thành     | Nhân   | N18DLK4 | 7               | 2                     | 5 | 3 |  | 3.3                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 221 | 1813719163 | Lê Quang         | Nhật   | N18DLK4 | 8               | 5                     | 3 | 5 |  | 4.3                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 222 | 1813719179 | Trịnh Thành      | Phát   | N18DLK4 | 8               | 5                     | 3 | 5 |  | 4.3                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 223 | 1813719181 | Hà Ngọc Huy      | Phong  | N18DLK4 | 7               | 5                     | 3 | 5 |  | 4.3                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 224 | 1813719182 | Nguyễn Chí       | Phong  | N18DLK4 | 8               | 5                     | 3 | 5 |  | 4.3                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 225 | 1813719225 | Phạm Ngọc Bảo    | Tân    | N18DLK4 | 7               | 4                     | 5 | 5 |  | 4.7                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 226 | 1813719236 | Nguyễn Văn Hoàng | Thắng  | N18DLK4 | 5               | 5                     | 3 | 3 |  | 3.7                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 227 | 1813719241 | Trần Bửu         | Thịnh  | N18DLK4 | 5               | 4                     | 0 | 5 |  | 3.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 228 | 1813719243 | Nguyễn Ngọc      | Thông  | N18DLK4 | 5               | 5                     | 3 | 3 |  | 3.7                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 229 | 1813719002 | Nguyễn Đình      | An     | N18DLK5 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 230 | 1813719025 | Lê Văn           | Chiến  | N18DLK5 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 231 | 1813719027 | Bảo Hoàng        | Chương | N18DLK5 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 232 | 1813719029 | Võ Văn           | Diệp   | N18DLK5 | 4               | 5                     | 3 | 2 |  | 3.3                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 233 | 1813719030 | Dương Minh       | Điều   | N18DLK5 | 4               | 5                     | 3 | 2 |  | 3.3                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 234 | 1813719060 | Nguyễn Ngọc      | Giang  | N18DLK5 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 235 | 1813719097 | Phạm Lê Duy      | Hưng   | N18DLK5 | 4               | 3                     | 4 | 5 |  | 4.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 236 | 1813719104 | Phan Thanh       | Khải   | N18DLK5 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 237 | 1813719154 | Trương Văn       | Nguyên | N18DLK5 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 238 | 1813719153 | Vũ Hoàng         | Nguyên | N18DLK5 | 5               | 5                     | 3 | 5 |  | 4.3                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 239 | 1813719164 | Nguyễn Quang     | Nhật   | N18DLK5 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 240 | 1813719161 | Mai Xuân         | Nhật   | N18DLK5 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 241 | 1813719175 | Đỗ Văn           | Nhựt   | N18DLK5 | 5               | 5                     | 0 | 4 |  | 3.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 242 | 1812719251 | Đào Trần Phương  | Thùy   | N18DLK5 | 4               | 3                     | 3 | 6 |  | 4.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 243 | 1812719254 | Nguyễn Thị Thu   | Thủy   | N18DLK5 | 5               | 5                     | 0 | 5 |  | 3.3                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 244 | 1813719264 | Nguyễn Thành     | Tín    | N18DLK5 | 4               | 2                     | 1 | 6 |  | 3.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |

| TT  | MÃ SỐ SV   | HỌ VÀ TÊN SINH |       | LỚP     | Điểm thành phần |                       |   |   |  | ĐTB kiểm tra định kì | F | ĐIỂM TỔNG KẾT |       | Ghi chú |
|-----|------------|----------------|-------|---------|-----------------|-----------------------|---|---|--|----------------------|---|---------------|-------|---------|
|     |            |                |       |         | A               | Điểm kiểm tra định kỳ |   |   |  |                      |   | SỐ            | CHỮ   |         |
| 245 | 1813719278 | Huỳnh Ngọc     | Trí   | N18DLK5 | 7               | 5                     | 5 | 4 |  | 4.7                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 246 | 1813719284 | Lê Công        | Trình | N18DLK5 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 247 | 1813719286 | Nguyễn Thành   | Trung | N18DLK5 | 5               | 3                     | 4 | 5 |  | 4.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 248 | 1813719291 | Trần Anh       | Tuấn  | N18DLK5 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 249 | 1813719294 | Đặng Lê Thanh  | Tùng  | N18DLK5 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 250 | 1812719298 | Phạm Thị Thảo  | Uyên  | N18DLK5 | 0               | 0                     | 0 | 0 |  | 0.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |
| 251 | 1812719299 | Hồ Lê Thị Thảo | Uyên  | N18DLK5 | 5               | 5                     | 0 | 4 |  | 3.0                  |   | 0.0           | Không | Cấm thi |

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

| STT         | NỘI DUNG THỐNG KÊ | SL  | TỶ LỆ | GHI CHÚ |
|-------------|-------------------|-----|-------|---------|
| 1           | Số sinh viên đạt  | 123 | 49%   |         |
| 2           | Số sinh viên nợ   | 128 | 51%   |         |
| TỔNG CỘNG : |                   | 251 | 100%  |         |

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 01 năm 2013

LẬP BẢNG

KIỂM TRA  
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA  
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH  
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Hữu Phú